



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính

*cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán*

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Địa chỉ : Số 1/8 Quyết Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, Bình Dương

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04-05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả kinh doanh	09-09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12-37



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là Công ty) trình bày Báo cáo tài chính của Công ty năm 2014, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700358798 (thay đổi lần 9 ngày 06/08/2014) với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty được thay đổi qua các năm như sau:

Thay đổi lần thứ 1 ngày 01/07/2002 với vốn điều lệ là 11.204.100.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 2 ngày 05/05/2003 với vốn điều lệ là 12.324.510.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 3 ngày 04/05/2004 với vốn điều lệ là 12.816.970.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 4 ngày 20/09/2005 với vốn điều lệ là 13.360.610.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 5 ngày 05/12/2007 với vốn điều lệ là 14.354.790.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 6 ngày 26/12/2009 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 7 ngày 25/05/2010 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 8 ngày 02/04/2013 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 9 ngày 06/08/2014 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Tại thời điểm 31/12/2014, vốn điều lệ của Công ty là 30.415.420.000 đồng, tăng 15.207.710.000 đồng do trong năm 2014, Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công ty đang thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Giám đốc công ty.

Trụ sở của Công ty : Số 1/8 Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại : 0650.3749 080

Fax: 0650.3749 287

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại;
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác nguyên liệu phi quặng, sét, cao lanh;
- Trồng cây cao su;
- Vận chuyển bốc dỡ hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận chuyển bốc dỡ hàng hóa bằng đường sông;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê mặt bằng nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Bán buôn vật tư, nguyên phụ liệu, phụ tùng, phương tiện chuyên dùng ngành công nghiệp;
- Bán buôn xăng, dầu, gas (không lập trạm xăng dầu, sang, chiết, nạp gas tại địa điểm trụ sở

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, Thị Xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

chính);

- Sản xuất vật liệu xây dựng không nung (không sản xuất tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành công nghiệp;

Các sự kiện sau ngày lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố thêm trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị Công ty :

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	27/04/2013	
- Ông Nguyễn Thiện Trí Hùng	Việt Nam	Thành viên	24/03/2012	
- Bà Lâm Thị Mai	Việt Nam	Thành viên	24/03/2012	
- Ông Lê Văn Phúc	Việt Nam	Thành viên	24/03/2012	
- Ông Nguyễn Ngọc Nui	Việt Nam	Thành viên	24/03/2012	

Ban Giám đốc Công ty :

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Ngọc Nui	Việt Nam	Giám đốc	04/03/2013	
- Ông Trương Văn Hiện	Việt Nam	Phó giám đốc	01/01/2014	05/12/2014

Ban kiểm soát :

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	24/03/2012	(Tái bổ nhiệm)
- Bà Phan Thị Thuỳ Hương	Việt Nam	Thành viên	24/03/2012	(Tái bổ nhiệm)
- Ông Nguyễn Thanh Dũng	Việt Nam	Thành viên	24/03/2012	

Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Phương Việt Nam 01/06/2006

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) đã bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc lập báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được trình bày trong phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 Khu phố Quyết Thắng, Phường Bình Thắng, Thị Xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương

- Việc lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Thay mặt HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



MAI VĂN CHÁNH



Số: 70 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014***Kính gửi : CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là Công ty), được lập ngày 02 / 03 / 2015, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.



Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2015

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS**
Tổng Giám Đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên



Lưu Vinh Khoa

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0166-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		40.243.313.430	40.919.174.611
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	15.154.127.671	7.107.863.622
1. Tiền	111		2.154.127.671	607.863.622
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	6.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.2	22.367.982.761	23.659.494.350
1 Đầu tư ngắn hạn	121		22.419.885.349	23.742.270.380
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(51.902.588)	(82.776.030)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		894.046.601	3.332.411.495
1. Phải thu của khách hàng	131	6.3	692.830.686	3.073.114.361
2. Trả trước cho người bán	132	6.4	7.000.000	77.237.500
5. Các khoản phải thu khác	135	6.5	219.215.915	207.059.634
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6.6	(25.000.000)	(25.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	6.7	1.597.491.011	6.797.000.144
1. Hàng tồn kho	141		1.841.476.969	7.342.151.748
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(243.985.958)	(545.151.604)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		229.665.386	22.405.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		57.566.386	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.8	172.099.000	22.405.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		11.554.541.179	6.450.849.088
II. Tài sản cố định	220		3.971.899.046	5.950.568.629
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.9	3.280.589.964	3.388.606.645
- Nguyên giá	222		11.058.235.369	11.631.473.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.777.645.405)	(8.242.866.726)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.10	691.309.082	2.358.314.914
- Nguyên giá	228		860.470.113	2.859.654.747
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(169.161.031)	(501.339.833)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	203.647.070
III. Bất động sản đầu tư	240	6.11	1.606.162.112	-
- Nguyên giá	241		1.999.184.634	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(393.022.522)	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.12	5.000.000.000	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		976.480.021	500.280.459
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.13	976.480.021	500.280.459
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		51.797.854.609	47.370.023.699

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		10.516.294.536	10.594.258.813
I. Nợ ngắn hạn	310		10.485.926.836	10.559.525.702
2. Phải trả cho người bán	312	6.14	6.409.218.289	6.962.190.347
3. Người mua trả tiền trước	313	6.15	545.864.644	663.091.099
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.16	1.581.921.181	1.198.962.379
5. Phải trả người lao động	315		1.053.185.400	1.009.671.100
6. Chi phí phải trả	316	6.17	302.680.746	232.348.128
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	6.18	20.356.292	81.926.565
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		572.700.284	411.336.084
II. Nợ dài hạn	330		30.367.700	34.733.111
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	6.19	30.367.700	34.733.111
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		41.281.560.073	36.775.764.886
I. Vốn chủ sở hữu	410	6.20	41.281.560.073	36.775.764.886
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.415.420.000	15.207.710.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		209.074.994	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	(1.245.577.870)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.235.774.623	15.018.734.844
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	3.638.015.179
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.421.290.456	4.156.882.733
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		51.797.854.609	47.370.023.699

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ , nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

Giám đốc



NGUYỄN NGỌC NUI



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.21	110.934.822.509	88.625.123.267
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		110.934.822.509	88.625.123.267
4. Giá vốn hàng bán	11	6.22	92.144.352.650	76.869.481.073
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.790.469.859	11.755.642.194
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.23	2.499.979.287	2.651.563.974
7. Chi phí tài chính	22	6.24	(7.029.538)	(52.859.426)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	6.25	6.372.119.157	5.022.549.050
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.26	5.398.439.752	3.366.317.822
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.526.919.775	6.071.198.722
11. Thu nhập khác	31	6.27	2.628.172.270	356.391.968
12. Chi phí khác	32	6.28	1.883.738.219	67.118.370
13. Lợi nhuận khác	40		744.434.051	289.273.598
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.271.353.826	6.360.472.320
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.30	2.290.028.314	1.547.446.136
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(4.365.411)	34.733.111
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.985.690.923	4.778.293.073
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.31	2.669	3.248

Bình Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

Giám đốc



NGUYỄN NGỌC NUI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.271.353.826	6.360.472.320
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	6.9,10	1.176.018.672	619.380.321
- Các khoản dự phòng	03		(332.039.088)	(202.775.786)
- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.476.135.383)	(2.353.156.713)
- Chi phí Lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.639.198.027	4.423.920.142
- Tăng/giảm Các khoản phải thu	09		2.537.005.894	(706.512.384)
- Tăng/giảm Hàng tồn kho	10		5.500.674.779	2.231.264.500
- Tăng/giảm Các khoản phải trả (không kể Lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(651.671.039)	2.551.181.436
- Tăng/giảm Chi phí trả trước	12		(533.765.948)	33.097.434
- Tiền Lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.827.195.402)	(1.057.754.318)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		402.464.498	272.935.560
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(862.006.511)	(700.996.942)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.204.704.298	7.047.135.428
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(639.764.679)	(695.741.918)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		535.389.662	42.762.531
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26.993.596.020)	(23.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23.315.981.051	22.039.562.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.351.318.287	2.480.876.197
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.430.671.699)	367.458.810

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.727.768.550)	(3.405.645.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.727.768.550)	(3.405.645.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		8.046.264.049	4.008.948.638
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.1	7.107.863.622	3.098.914.984
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6.1	15.154.127.671	7.107.863.622

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

Bình Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2015



Giám đốc

NGUYỄN NGỌC NUI

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700358798 (thay đổi lần 9 ngày 06/08/2014) với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn điều lệ của Công ty được thay đổi qua các năm như sau:

Thay đổi lần thứ 1 ngày 01/07/2002 với vốn điều lệ là 11.204.100.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 2 ngày 05/05/2003 với vốn điều lệ là 12.324.510.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 3 ngày 04/05/2004 với vốn điều lệ là 12.816.970.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 4 ngày 20/09/2005 với vốn điều lệ là 13.360.610.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 5 ngày 05/12/2007 với vốn điều lệ là 14.354.790.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 6 ngày 26/12/2008 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 7 ngày 25/05/2010 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 8 ngày 02/04/2013 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Thay đổi lần thứ 9 ngày 06/08/2014 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;

Tại thời điểm 31/12/2014, vốn điều lệ của Công ty là 30.415.420.000 đồng, tăng 15.207.710.000 đồng do trong năm 2014, Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu. Công ty đang thực hiện thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Ngành, nghề kinh doanh :

- Sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại;
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác nguyên liệu phi quặng, sét, cao lanh;
- Trồng cây cao su;
- Vận chuyển bốc dỡ hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận chuyển bốc dỡ hàng hóa bằng đường sông;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê; Cho thuê mặt bằng nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh);
- Bán buôn vật tư, nguyên phụ liệu, phụ tùng, phương tiện chuyên dùng ngành công nghiệp;
- Bán buôn xăng, dầu, gas (không lập trạm xăng dầu, sang, chiết, nạp gas tại địa điểm trụ sở chính);
- Sản xuất vật liệu xây dựng không nung (không sản xuất tại trụ sở chính, trụ sở chính chỉ làm văn phòng giao dịch);
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành công nghiệp;



Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại và sản xuất đá xây dựng.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng :

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

3.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

4. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

5. Các chính sách kế toán áp dụng

5.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư của các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ tài chính được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 ("VAS 10") - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 do BTC ban hành hướng dẫn xử lý



chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ. Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, nợ phải thu, nợ phải trả tại thời điểm cuối năm được đánh giá theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Hầu hết các giao dịch trong năm của Công ty được thực hiện bằng VND, số dư ngoại tệ tại 31/12/2014 của Công ty là 0 USD.

5.2. Chính sách các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

5.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Cuối niên độ kế toán, Công ty kiểm kê khối lượng đá xây dựng, cát tồn kho bằng cách thuê Liên hiệp Khoa học địa chất, môi trường và công nghệ khoáng tiến hành đo vẽ lại khối lượng đá xây dựng, cát tồn kho thực tế bằng máy toàn đạc điện tử SOKKIA-SET5 30R do Nhật sản xuất độ chính xác $m\beta = (3'')$ độ chính xác đo cạnh (5x3ppxD)mm. Trên cơ sở kết quả đo vẽ này, Liên hiệp Khoa học địa chất, môi trường và công nghệ khoáng tiến hành tính toán khối lượng đá xây dựng, cát tồn kho trên phần mềm chuyên dụng. Chênh lệch số lượng giữa kết quả kiểm kê và sổ kế toán được Công ty đánh giá theo đơn giá tồn kho trên sổ kế toán tại ngày cuối niên độ kế toán để làm căn cứ tính toán sản phẩm sản xuất trong kỳ.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) hoàn thành.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản



xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.

- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5.5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	4-25	năm
- Máy móc, thiết bị	5-10	năm
- Thiết bị văn phòng	5- 8	năm
- Phương tiện vận tải	10	năm
- Quyền sử dụng đất	49	năm

5.6. Bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được cấp cho Công ty nhằm mục đích phát triển các bất động sản đầu tư. Các quyền sử dụng đất



có thời hạn đó được trích khấu hao trong suốt thời hạn được cấp phép (49 năm).

5.7. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

5.8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

5.9. Ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, chi phí bảo hành sản phẩm



Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

5.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại : Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu ngân quỹ của Công ty. Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Ghi nhận cổ tức : Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho cổ đông.

5.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

5.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển lỗ.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính

Số 1/8 KP. Quyết Thắng, P. Bình Thắng, thị xã Dĩ An, Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán và Kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	640.581.273	362.233.194
Tiền gửi ngân hàng	1.437.836.148	245.630.428
Tiền đang chuyển	75.710.250	-
Các khoản tương đương tiền (*)	13.000.000.000	6.500.000.000
Cộng	15.154.127.671	7.107.863.622

(*) Chi tiết các khoản tương đương tiền

- Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	7.400.000.000	6.500.000.000
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng	5.600.000.000	-
Cộng	13.000.000.000	6.500.000.000

6.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn (12 tháng)	21.700.000.000	23.500.000.000
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	719.885.349	242.270.380
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	(51.902.588)	(82.776.030)
Cộng	22.367.982.761	23.659.494.350

(*) Chi tiết chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán :

Tên công ty	Mã chứng khoán	Số lượng	Giá trị ghi sổ 31/12/2014	Giá trị thị trường 31/12/2014	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
Công ty CP Nhựa Tiên Phong	NTP	2.080	88.309.111	111.072.000	-
Công ty Bông Bạch Tuyết	BBT	1.300	25.613.875	13.000.000	(12.613.875)
Công ty Khoáng sản Lâm Đồng	LBM	680	25.722.275	8.840.000	(16.882.275)
Công ty CP Sông Đà 9	SD9	50	500.000	705.000	-
Công ty CP Xuất khẩu lao động	ILC	500	25.480.000	5.000.000	(20.480.000)
Công ty CP CK Hải Phòng	HPC	47	1.366.318	220.900	(1.145.418)
Công ty CP CK Bảo Việt	BVS	10.000	135.270.000	136.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Địa Ốc Xanh	DXG	5.000	67.635.000	69.500.000	-
Công ty CP Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	KLF	8.100	90.691.020	89.910.000	(781.020)
Công ty CP Tập đoàn FLC	FLC	13.000	127.033.750	141.700.000	-
Công ty CP CK Bảo Việt	BVS	10.000	132.264.000	136.000.000	-
Cộng		50.757	719.885.349	711.947.900	(51.902.588)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Số cuối năm	Số đầu năm
6.3. Phải thu của khách hàng		
Khoản phải thu của các nhà phân phối	646.614.056	3.072.552.031
Khoản phải thu của các đại lý	-	160.065
Khoản thu khách hàng khác	46.216.630	402.265
Cộng	692.830.686	3.073.114.361
6.4. Trả trước cho người bán		
Trả trước nhà cung cấp - xây dựng cơ bản	-	39.700.000
Trả trước khác	7.000.000	37.537.500
Cộng	7.000.000	77.237.500
6.5. Các khoản phải thu khác		
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân của CBCNV	10.328.835	2.200.686
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	138.035.000	157.877.777
Ông Huỳnh Văn Reo	25.000.000	25.000.000
BHXH, BHYT, BHTN nộp thừa	39.871.417	-
Các khoản khác	5.980.663	21.981.171
Cộng	219.215.915	207.059.634
6.6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
Ông Huỳnh Văn Reo	(25.000.000)	(25.000.000)
Cộng	(25.000.000)	(25.000.000)
6.7. Hàng tồn kho		
Nguyên liệu, vật liệu	388.468.257	2.754.226.907
Công cụ dụng cụ	23.232.754	28.732.232
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	489.746.219
Thành phẩm tồn kho	1.250.269.830	4.069.446.390
Hàng hóa	179.506.128	-
Cộng	1.841.476.969	7.342.151.748
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(243.985.958)	(545.151.604)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho cuối kỳ	1.597.491.011	6.797.000.144
6.8. Tài sản ngắn hạn khác		
Khoản đặt cọc để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất	150.000.000	-
Tạm ứng	22.099.000	22.405.000
Cộng	172.099.000	22.405.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện Vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	6.038.781.065	5.030.389.031	36.231.480	526.071.795	11.631.473.371
Tăng trong năm	423.103.999	227.272.727	-	250.000.000	900.376.726
Thanh lý trong năm	670.574.728	553.040.000	-	250.000.000	1.473.614.728
Số cuối năm	5.791.310.336	4.704.621.758	36.231.480	526.071.795	11.058.235.369
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	4.263.565.712	3.658.113.954	36.231.480	284.955.580	8.242.866.726
Tăng trong năm	322.120.850	318.160.658	-	81.870.922	722.152.430
Thanh lý trong năm	605.070.013	553.040.000	-	29.263.738	1.187.373.751
Số cuối năm	3.980.616.549	3.423.234.612	36.231.480	337.562.764	7.777.645.405
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.775.215.353	1.372.275.077	-	241.116.215	3.388.606.645
Số cuối năm	1.810.693.787	1.281.387.146	-	188.509.031	3.280.589.964

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng vào thời điểm cuối kỳ : 4.465.459.673 đồng, tại thời điểm đầu kỳ là: 5.407.127.914 đồng.

- Tài sản cố định hữu hình đang chờ thanh lý do Công ty ngưng sản xuất gạch ngói:

Tài sản cố định	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại cuối năm
Nhà cửa vật kiến trúc	4.819.624.204	(3.795.644.284)	1.023.979.920
Máy móc thiết bị	1.075.447.928	(1.002.203.013)	73.244.915
Cộng	5.895.072.132	(4.797.847.297)	1.097.224.835

- Toàn bộ tài sản cố định chờ thanh lý trên đã được Công ty tổ chức chào giá cạnh tranh theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29/NK 04/NQ-HĐQT ngày 30/01/2015. Đơn vị trúng thầu là Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng Bình Dương với giá sau thuế giá trị gia tăng là 2.415.000.000 đồng.

- Không có tài sản cố định hữu hình nào được dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất (*)	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.859.654.747	2.859.654.747
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	1.999.184.634	1.999.184.634
Số cuối năm	860.470.113	860.470.113
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	501.339.833	501.339.833
Tăng trong năm	60.843.720	60.843.720
Giảm trong năm	393.022.522	393.022.522
Số cuối năm	169.161.031	169.161.031
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	2.358.314.914	2.358.314.914
Số cuối năm	691.309.082	691.309.082

(*) Năm 2003, Công ty được UBND tỉnh Bình Dương cho thuê 21.702,20 m² đất với thời hạn 49 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (ngày 23/7/2003), là khuôn viên của Văn phòng và nhà xưởng sản xuất gạch ngói hiện nay của Công ty. Tháng 10/2005, theo yêu cầu của Công ty, Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương chấp thuận chuyển hình thức thuê đất sang hình thức Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, không điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, số tiền 2.859.654.747 đ. Ngày 15/12/2014, Công ty cho thuê mặt bằng để kinh doanh với diện tích đất cho thuê là 20.908,6 m². Nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại tương ứng với diện tích đất cho thuê được chuyển sang bất động sản đầu tư.

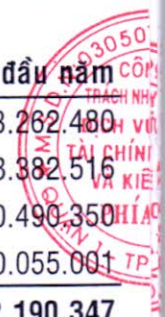
6.11. Bất động sản đầu tư

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất cho thuê	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	1.999.184.634	1.999.184.634
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.999.184.634	1.999.184.634
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	393.022.522	393.022.522
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	393.022.522	393.022.522
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	1.606.162.112	1.606.162.112

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

	Số cuối năm	Số đầu năm
6.12. Đầu tư dài hạn khác		
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	5.000.000.000	-
Cộng	5.000.000.000	-
6.13. Chi phí trả trước dài hạn khác		
Dụng cụ văn phòng	149.704.677	25.115.805
Vật tư sửa chữa	-	106.980.538
Chi phí sửa chữa lò Tuynel	-	368.184.116
Chi phí sửa chữa bờ kè Cảng	540.932.896	-
Chi phí sửa chữa mặt bằng kinh doanh cát	285.842.448	-
Cộng	976.480.021	500.280.459
6.14. Phải trả cho người bán		
Phải trả người bán - xay đá gia công	918.124.848	953.262.480
Phải trả người bán - mua nguyên vật liệu	5.481.038.440	5.948.382.516
Phải trả người bán - xây dựng cơ bản	-	50.490.350
Các đối tượng khác	10.055.001	10.055.001
Cộng	6.409.218.289	6.962.190.347
6.15. Người mua trả tiền trước		
Người mua trả trước tiền mua thành phẩm	545.864.644	663.091.099
Cộng	545.864.644	663.091.099
6.16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	143.380.055	242.528.906
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.293.344.920	830.512.008
Thuế thu nhập cá nhân	145.196.206	125.921.465
Cộng	1.581.921.181	1.198.962.379
6.17. Chi phí phải trả		
Chi phí gia công xay đá xây dựng	185.177.746	107.445.128
Chi phí khác	117.503.000	124.903.000
Cộng	302.680.746	232.348.128

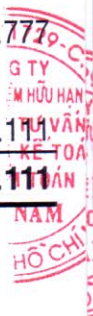


BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	-	34.022.391
Kinh phí công đoàn	6.626.700	25.556.454
Các khoản khác	13.729.592	22.347.720
- Phải trả cho cán bộ công nhân viên tiền trợ cấp từ Bảo hiểm xã hội	10.880.722	19.518.800
- Các khoản khác	2.848.870	2.828.920
Cộng	20.356.292	81.926.565

6.19. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
Chênh lệch tạm thời:		
- Lãi dự thu	138.035.000	157.877.777
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả tương ứng:		
- Lãi dự thu	30.367.700	34.733.111
Cộng	30.367.700	34.733.111



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 KP. Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.20. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước							
Số dư đầu năm trước	15.207.710.000	-	(1.245.577.870)	15.018.734.844	3.399.100.479	3.839.304.260	36.219.271.713
-Lợi nhuận sau thuế tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	4.778.293.073	4.778.293.073
-Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	(4.460.714.600)	(4.221.799.900)
+ Phân phối cho quỹ CSH	-	-	-	-	238.914.700	(238.914.700)	-
+ Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(3.531.228.000)	(3.531.228.000)
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(476.171.500)	(476.171.500)
+ Các khoản khác (Thù lao HĐQT, BKS, thưởng ban điều hành)	-	-	-	-	-	(214.400.400)	(214.400.400)
Số dư cuối năm trước	15.207.710.000	-	(1.245.577.870)	15.018.734.844	3.638.015.179	4.156.882.733	36.775.764.886

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 KP. Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Chỉ tiêu	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm nay							
Số dư đầu năm nay	15.207.710.000	-	(1.245.577.870)	15.018.734.844	3.638.015.179	4.156.882.733	36.775.764.886
-Giảm cổ phiếu quỹ	-	-	1.245.577.870	-	-	-	1.245.577.870
-Tăng do bán cổ phiếu quỹ	-	209.074.994	-	-	-	-	209.074.994
-Lợi nhuận sau thuế tăng trong năm nay	-	-	-	-	-	7.985.690.923	7.985.690.923
-Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	-	(5.721.283.200)	(4.934.548.600)
+ Tăng vốn	15.207.710.000	-	-	(15.207.710.000)	-	-	-
+ Phân phối cho quỹ CSH	-	-	-	786.734.600	-	(786.734.600)	-
+ Chia cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(3.727.788.500)	(3.727.788.500)
+ Phân phối cho quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(786.734.600)	(786.734.600)
+ Các khoản khác (Thù lao HĐQT, BKS, thưởng ban điều hành)	-	-	-	-	-	(420.025.500)	(420.025.500)
- Kết chuyển từ quỹ dự phòng tài chính sang quỹ đầu tư phát triển;	-	-	-	3.638.015.179	(3.638.015.179)	-	-
Số dư cuối năm nay	30.415.420.000	209.074.994	-	4.235.774.623	-	6.421.290.456	41.281.560.073

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính

Số 1/8 KP. Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Năm nay		Năm trước	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
-Vốn đầu tư của nhà nước	9.137.940.000	9.137.940.000	4.568.970.000	4.568.970.000
-Vốn góp của cổ đông khác	21.277.480.000	21.277.480.000	10.144.480.000	10.144.480.000
-Cổ phiếu quỹ (theo mệnh giá)	-	-	494.260.000	494.260.000
	30.415.420.000	30.415.420.000	15.207.710.000	15.207.710.000

Công ty không phát hành trái phiếu.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận :**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Năm nay	Năm trước
Vốn góp đầu năm	15.207.710.000	15.207.710.000
Vốn góp tăng trong năm	15.207.710.000	
Vốn góp giảm trong năm	-	
Vốn góp cuối năm	30.415.420.000	15.207.710.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.727.788.500	3.531.228.000

Cổ tức :

	Năm nay	Năm trước
+ Cổ tức đã công bố	2.500 đồng/cổ phần	2.400 đồng/cổ phần

Cổ phiếu :

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	3.041.542 cổ phần	1.520.771 cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	3.041.542 cổ phần	1.520.771 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	3.041.542 cổ phần	1.520.771 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	49.426 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	-	49.426 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.041.542 cổ phần	1.471.345 cổ phần
+ Cổ phiếu thường	3.041.542 cổ phần	1.471.345 cổ phần
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đ/cổ phần		



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán gạch ngói	13.905.044.461	13.247.853.432
Doanh thu bán đá xây dựng	93.543.138.780	72.659.667.356
Doanh thu bán cát xây dựng	998.136.821	1.065.001.195
Doanh thu khác	2.488.502.447	1.652.601.284
Cộng	110.934.822.509	88.625.123.267

Trong năm đơn vị không phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu

6.22. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán gạch ngói	13.031.471.826	14.494.392.768
Giá vốn bán đá xây dựng	76.500.052.445	60.125.370.604
Giá vốn bán cát xây dựng	774.749.617	840.077.150
Hoạt động khác	1.838.078.762	1.409.640.551
Cộng	92.144.352.650	76.869.481.073

6.23. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.351.318.287	2.480.876.197
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	138.035.000	157.877.777
Cổ tức	3.130.000	12.810.000
Lãi kinh doanh chứng khoán	7.496.000	-
Cộng	2.499.979.287	2.651.563.974

6.24. Chi phí tài chính	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư chứng khoán	(32.343.862)	(351.266.687)
Lỗ đầu tư chứng khoán	23.843.904	298.407.261
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.470.420	-
Cộng	(7.029.538)	(52.859.426)

6.25. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	564.257.419	373.287.487
Chi phí vật tư, nhiên liệu	338.876.241	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.050.832	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.159.103.405	4.194.263.336
Chi phí bằng tiền khác	258.831.260	454.998.227
Cộng	6.372.119.157	5.022.549.050

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Số 1/8 KP. Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.114.412.062	1.191.676.575
Chi phí vật liệu quản lý	75.741.969	33.876.246
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.702.674	13.661.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	117.228.026	68.743.656
Thuế, phí và lệ phí	43.891.530	14.836.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	157.827.025	13.661.836
Chi phí bằng tiền khác	2.863.636.466	2.029.861.496
Cộng	5.398.439.752	3.366.317.822

6.27. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Bán thanh lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.782.801.409	-
Thanh lý tài sản cố định	313.636.363	98.999.901
Xử lý đất thừa	531.734.498	257.392.067
Cộng	2.628.172.270	356.391.968

6.28. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.149.355.337	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	411.692.773	56.237.370
Chi phí xử lý vật tư ngành gạch do ngưng sản xuất	322.690.109	-
Chi phí hủy sản phẩm bị lỗi	-	10.881.000
Cộng	1.883.738.219	67.118.370

6.29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu vật liệu	62.087.867.564	53.585.385.703
Chi phí nhân công	7.093.553.309	7.493.051.201
Chi phí khấu hao tài sản cố định	782.996.150	619.380.321
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.819.168.263	17.361.906.631
Chi phí khác bằng tiền	3.616.633.578	3.263.279.772
Cộng	95.400.218.864	82.323.003.628

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính

Số 1/8 KP. Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

6.30. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.271.353.826	6.360.472.320
Các khoản điều chỉnh tăng	140.995.785	(170.687.777)
-Chênh lệch tạm thời	19.842.777	(157.877.777)
- Chênh lệch vĩnh viễn	121.153.008	(12.810.000)
Tổng thu nhập chịu thuế	10.412.349.611	6.189.784.543
Thu nhập được miễn thuế	3.130.000	-
Thu nhập tính thuế	10.409.219.611	6.189.784.543
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.290.028.314	1.547.446.136
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.290.028.314	1.547.446.136

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính 2014 có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

6.31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.985.690.923	4.778.293.073
Số cổ phiếu bình quân lưu hành	2.992.522	1.471.345
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.669	3.248

7. Thông tin về công cụ tài chính**7.1. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.154.127.671	7.107.863.622
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.700.000.000	23.500.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	667.982.761	159.494.350
Phải thu khách hàng	692.830.686	3.073.114.361
Các khoản phải thu khác	241.314.915	229.464.634
Cộng	38.456.256.033	34.069.936.967
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	6.409.218.289	6.962.190.347
Phải trả người lao động	1.053.185.400	1.009.671.100
Chi phí phải trả	302.680.746	232.348.128
Các khoản phải trả khác	20.356.292	81.926.565
Cộng	7.785.440.727	8.286.136.140

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn của Công ty và Công ty dự định bán các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

7.2. Tài sản đảm bảo***Tài sản thế chấp cho đơn vị khác***

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 31 tháng 12 năm 2013.

7.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty bán hàng theo các phương thức sau: bán hàng thông qua nhà phân phối, bán hàng qua đại lý, trực tiếp bán tại văn phòng Công ty.

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ thể:

+ Đối với nhà phân phối: Công ty có 2 nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên về vật liệu xây dựng. Trong đó, Công ty TNHH MTV Vật liệu và xây dựng Bình Dương vừa là cổ đông lớn, vừa là nhà phân phối của Công ty. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

+ Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng.

+ Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

7.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	
Số cuối năm				Cộng
Phải trả cho người bán	6.409.218.289	-	-	6.409.218.289
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả cho người lao động	1.053.185.400	-	-	1.053.185.400
Chi phí phải trả	302.680.746	-	-	302.680.746
Các khoản phải trả khác	20.356.292	-	-	20.356.292
Cộng	7.785.440.727	-	-	7.785.440.727
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	6.962.190.347	-	-	6.962.190.347
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả cho người lao động	1.009.671.100	-	-	1.009.671.100
Chi phí phải trả	232.348.128	-	-	232.348.128
Các khoản phải trả khác	81.926.565	-	-	81.926.565
Cộng	8.286.136.140	-	-	8.286.136.140

7.5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2014, Công ty không phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

8. Những thông tin khác**8.1. Giao dịch với bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, tiền thưởng	882.603.767	895.704.500
Thù lao HĐQT, ban kiểm soát	394.141.433	199.854.900
Cộng	1.276.745.200	1.095.559.400

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan với Công ty gồm :

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Bình Dương	Cổ đông lớn

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính

Số 1/8 KP. Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Bình Dương	Bán sản phẩm	34.126.044.443	28.376.945.428
	Thu tiền bán sản phẩm	36.551.586.483	27.076.932.356
	Phải trả phí quảng cáo thương hiệu	196.408.938	371.507.400
	Đã trả phí quảng cáo thương hiệu	-	455.409.900
	Phải trả tiền mua vật liệu, hàng hóa và dịch vụ khác	66.153.028.868	2.378.188.441
	Đã trả tiền mua vật liệu, hàng hóa	61.519.437.802	2.229.277.516

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung công nợ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	447.716.713	2.873.258.753
	Phải trả chi phí quảng cáo	196.408.938	-
	Phải trả tiền mua vật liệu, hàng hóa và dịch vụ khác	4.782.501.991	148.910.925

8.2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau. Công ty chỉ sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh**Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:**

- Sản xuất, kinh doanh gạch ngói;
- Chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
- Chế biến, kinh doanh cát;
- Hoạt động khác bao gồm mua bán hàng hóa, cung cấp điện nước cho các đơn vị xây đá gia công.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được thể hiện như sau:

8.2.1. Năm 2014

8.2.1.1 Kết quả kinh doanh bộ phận

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói	Chế biến, kinh doanh đá xây dựng	Chế biến, kinh doanh cát	Hoạt động khác	Cộng
Kết quả kinh doanh bộ phận					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	13.905.044.461	93.543.138.780	998.136.821	2.488.502.447	110.934.822.509
Giá vốn hàng bán	13.031.471.826	76.500.052.445	774.749.617	1.838.078.762	92.144.352.650
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	873.572.635	17.043.086.335	223.387.204	650.423.685	18.790.469.859
Chi phí không phân loại theo bộ phận					11.770.558.909
Doanh thu hoạt động tài chính					2.499.979.287
Chi phí tài chính					(7.029.538)
Thu nhập khác					2.628.172.270
Chi phí khác					1.883.738.219
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					2.290.028.314
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(4.365.411)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					7.985.690.923

8.2.1.2 Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói	Chế biến, kinh doanh đá xây dựng	Chế biến, kinh doanh cát	Hoạt động khác	Cộng
- Chi phí khấu hao	671.101.598	40.909.092	10.141.740	-	722.152.430
- Chi phí trả trước dài hạn	579.626.815	52.864.980	29.939.581	-	662.431.376

8.2.1.3. Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2014

- Tài sản cố định hữu hình cuối kỳ					
Nguyên giá	10.454.922.786	376.039.856	227.272.727	-	11.058.235.369
Hao mòn lũy kế	7.383.888.051	376.039.856	17.717.498	-	7.777.645.405
Giá trị còn lại	3.071.034.735	-	209.555.229	-	3.280.589.964

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính

Số 1/8 KP. Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

8.2.2. Năm 2013**8.2.2.1 Kết quả kinh doanh bộ phận**

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói	Chế biến, kinh doanh đá xây dựng	Chế biến, kinh doanh cát	Hoạt động khác	Cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	13.247.853.432	72.659.667.356	-	2.717.602.479	88.625.123.267
Giá vốn hàng bán	14.494.392.768	60.125.370.604	-	2.249.717.701	76.869.481.073
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(1.246.539.336)	12.534.296.752	-	467.884.778	11.755.642.194
Chi phí không phân loại theo bộ phận					8.388.866.872
Doanh thu hoạt động tài chính					2.651.563.974
Chi phí tài chính					(52.859.426)
Thu nhập khác					356.391.968
Chi phí khác					67.118.370
Chi phí thuế TNDN hiện hành					154.746.136
Chi phí thuế TNDN hoãn lại					34.733.111
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					4.778.293.073

8.2.2.2. Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói	Chế biến, kinh doanh đá xây dựng	Chế biến, kinh doanh cát	Hoạt động khác	Cộng
- Chi phí khấu hao	532.180.225	26.356.376	-	-	558.536.601
- Chi phí trả trước dài hạn	498.826.788	-	-	-	498.826.788

8.2.2.3. Tài sản bộ phận tại ngày 31/12/2013

- Tài sản cố định hữu hình cuối kỳ					
Nguyên giá	11.255.433.515	376.039.856	-	-	11.631.473.371
Hao mòn lũy kế	7.866.826.870	376.039.856	-	-	8.242.866.726
Giá trị còn lại	3.388.606.645	-	-	-	3.388.606.645

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP

Báo cáo tài chính

Số 1/8 KP. Quyết Thắng, P. Bình Thắng, TX. Dĩ An, Bình Dương

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác).

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2014

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2014 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

10. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Bình Dương, ngày 02 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

NGUYỄN NGỌC NUI